TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN M** **TỈNH G**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:12/2019/HS-ST
Ngày: 03/10/2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MANG YANG, TỈNH GIA LAI

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Đại Dương
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đoàn Như Kiên
Ông Ngô Thanh Hà

- Thư ký phiên tòa*:* Bà Phạm Thị Minh Hải - Thư ký Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh G.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M, tỉnh G tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 27/9/2019 tại Trụ sở Tòa án nhân huyện M , tỉnh G xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 06/2019/TLST-HS, ngày 26 tháng 4 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2019/QĐXXST-HS ngày 30 tháng 8 năm 2019 đối với các bị cáo:

1/ Đỗ Đức Duy K (Tên gọi khác: Không), Sinh ngày 14 tháng 02 năm 1989 tại huyện Đ, tỉnh G.

Trú tại: Tổ 6, phường An Bình, thị xã A, tỉnh G.

Nghề nghiệp: Làm nông; Học vấn: 2/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; con ông: Đỗ Công T (Đã chết) và bà Huỳnh Thị T (Sinh năm: 1952), hiện cư trú tại Tổ 6, phường An Bình, thị xã A, tỉnh G. Gia đình có 03 anh em, lớn nhất sinh năm 1986, nhỏ nhất sinh năm 1990, bị cáo là con thứ hai trong gia đình. Bị cáo có 01 người con sinh năm 2018 hiện đang ở với vợ *(Không đăng ký kết hôn)* tại Làng Sơ Rơn, xã Chư Krêy, huyện K, tỉnh G.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện M, tỉnh G từ ngày 14/9/2018 đến nay (Có mặt).

2/ Nguyễn V (Tên gọi khác: Chảy), Sinh ngày 12 tháng 12 năm 1986 tại huyện T, tỉnh B.

Trú tại: Tổ 1, khối Phú Xuân, thị trấn Phú Phong, huyện T, tỉnh B

Nghề nghiệp: Làm nông; Học vấn: 10/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn C (Sinh năm: 1956) và bà Cao Thị T (Sinh năm: 1959), hiện cư trú tại Tổ 1, khối Phú Xuân, thị trấn Phú Phong, huyện T, tỉnh B. Gia đình có 03 anh em, lớn nhất sinh năm 1986, nhỏ nhất sinh năm 1993, bị cáo là

con thứ nhất trong gia đình. Bị cáo có 01 người con sinh năm 2011 hiện đang ở với vợ *(Không đăng ký kết hôn)*.

Tiền sự: Không

Tiền án: Có 01 tiền án. Ngày 19/9/2014 bị Tòa án nhân dân huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định xử phạt 24 tháng tù về tội *"Trộm cắp tài sản"*, đến ngày 18/4/2016 chấp hành xong hình phạt tù nhưng chưa được xóa án tích.

Bị cáo hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện M, tỉnh G từ ngày 14/9/2018 đến nay (Có mặt).

3/ Nguyễn Cao Thái Danh (Tên gọi khác: Mèo), Sinh ngày 04 tháng 10 năm 2001 tại thị xã A, tỉnh G.

Trú tại: Tổ 14, phường Tây Sơn, thị xã A, tỉnh G.

Nghề nghiệp: Không; Học vấn: 7/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Thái D (Đã Chết) và bà Lê Thị Bích T (Sinh năm: 1982) bị cáo là con duy nhất trong gia đình.

Tiền án; Tiền sự: Không

Bị cáo bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thị xã A, tỉnh G từ ngày 23/10/2018 về tội *"Cố ý gây thương tích"* và hiện đang chấp hành hình phạt tù tại trại giam G cho đến nay (Có mặt).

4/ Cao Ngọc Sơn (Tên gọi khác: Năm), Sinh ngày 14 tháng 6 năm 1989 tại thị xã A, tỉnh G.

Trú tại: Tổ 7, phường An Phú, thị xã A, tỉnh G.

Nghề nghiệp: Làm nông; Học vấn: 10/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; con ông: Cao Văn L (Sinh năm: 1954)) và bà Nguyễn Thị L (Sinh năm: 1954), hiện cư trú tại Tổ 7, phường An Phú, thị xã A, tỉnh G. Gia đình có 03 anh em, lớn nhất sinh năm 1985, nhỏ nhất sinh năm 1989, bị cáo là con thứ ba trong gia đình. Có vợ là Dương Thị L (Sinh năm: 1997) và 01 người con sinh năm: 2006. Hiện vợ và con trú tại: Tổ 2, phường Ngô Mây, thị xã A, tỉnh G.

Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thị xã A, tỉnh G từ ngày 18/9/2018 về tội *"Cố ý gây thương tích"* và hiện đang chấp hành hình phạt tù tại trại giam G cho đến nay (Có mặt).

+ Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Cao Thái Danh: Ông **Nguyễn Thành Trung** – Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh G (Có mặt)

+ Người đại diện hợp pháp cho bị cáo Nguyễn Cao Thái Danh: Ông **Nguyễn L** (Vắng mặt)

Trú tại: Tổ 14, phường Tây Sơn, thị xã A, tỉnh G.

+ Người phiên dịch: Ông **A Yun** – Cán bộ Hội nông dân huyện M (Có mặt)

+ Những người bị hại:

1/ Ông **P** – Sinh năm: 1955

Trú tại: Làng Đê Gơl, xã Đăk Djrăng, huyện M, tỉnh G (Vắng mặt)

2/Anh **Đỗ Quốc K** – Sinh năm: 1985

Trú tại: Thôn Nhơn Tân, xã Đă Ta Ley, huyện M, tỉnh G (Có mặt)

3/Chị **Phan Thị H** – Sinh năm: 1989

Trú tại: Thôn Phú Yên, xã Hra, huyện M, tỉnh G (Vắng mặt)

4/Chị **Y** – Sinh năm: 1997

Trú tại: Làng Groi, xã kon Thụp, huyện M, tỉnh G (Vắng mặt)

5/ Ông **Cao Văn C** – Sinh năm: 1967

Trú tại: Thôn tân Phú, xã Đăk Djrăng, huyện M, tỉnh G (Vắng mặt)

6/Anh **Ksor D** – Sinh năm: 1989

Trú tại: Thôn Blôm, xã Kim Tân, huyện I, tỉnh G (Vắng mặt)

7/Chị **Đinh Thị L** – Sinh năm: 1992

Trú tại: Làng Leng, xã Tơ Tung, huyện K, tỉnh G (Vắng mặt)

8/Anh **Đinh T** – Sinh năm: 1991

Trú tại: Làng Tding, xã Chư Krey, huyện K, tỉnh G (Vắng mặt)

9/Chị **Trần Thị Ngọc L** – Sinh năm: 1992

Trú tại: Thôn I, xã Hà Tam, huyện Đ, tỉnh G (Vắng mặt)

10/Anh **Đặng Thanh H** – Sinh năm: 1980

Trú tại: Thôn Tú Thủy 3, xã Tú An, thị xã A, tỉnh G (Có mặt)

11/Anh **Trần Ngọc Q** – Sinh năm: 1987

Trú tại: Tổ 6, phường Tây Sơn, thị xã A, tỉnh G (Vắng mặt)

12/Chị **Ngô Thị N** – Sinh năm: 1986

Trú tại: Thôn I, xã Thành An, thị xã A, tỉnh G (Vắng mặt)

+ Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/Anh **Nguyễn Duy C** – Sinh năm: 1989

Trú tại: Thôn Phú Yên, xã Hra, huyện M, tỉnh G (Vắng mặt)

2/ Anh **Đoàn Nguyên T** – Sinh năm: 1968

Trú tại: Thôn Suối Phèn, xã Đăk Yă, huyện M , tỉnh G (Vắng mặt)

3/ Anh **Trương Duy L** – Sinh năm: 1988

Trú tại: Nhà số 777, đường Quang Trung, thị xã A, tỉnh G (Vắng mặt)

4/ Anh **Nguyễn Ngọc L** – Sinh năm: 1989

Trú tại: Tổ 5, phường An Tân, thị xã A, tỉnh G (Vắng mặt)

5/ Anh **Nguyễn C** – Sinh năm: 1989

Trú tại: Tổ I, khối Phú Xuân, thị trấn Phú Phong, huyện T, tỉnh B (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Đỗ Đức Duy K có ý định trộm cắp tài sản nên mang theo người 01 đoản tự chế (Vam mở khóa) đến nghỉ tại nhà nghĩ Thúy Hà huyện M. Khoảng 06 giờ, ngày

12/9/2018 Khánh đi bộ đến trước cổng Trung tâm y tế huyện M tìm xe Mô tô để trộm cắp. Trước đó ông P dựng xe Mô tô BKS: 81R7-5057 trước cổng Trung tâm y tế huyện M vào thăm người nhà bị ốm. K đến dùng Vam mở khóa, điều khiển xe theo hướng thị xã A, tỉnh G, trên đường đi Khánh gọi điện thoại cho Nguyễn V *(SN:1986, trú tại tổ 1, khối Phú Xuân, TT Phú Phong, huyện T, tỉnh B)* để bán xe thì V đồng ý và hẹn gặp nhau tại xã Hà Tam, huyện Đ, tỉnh G để giao xe. Đến khoảng 09 giờ cùng ngày V và K gặp nhau, sau khi xem xe xong V đồng ý mua xe Mô tô trên với số tiền 1.800.000 đồng. Lấy tiền, Khánh đón xe lên TP P tiêu xài hết rồi quay về lại nhà nghỉ Thúy Hà nghỉ ngơi, còn V điều khiển xe Mô tô trên về nhà mình tại huyện T, tỉnh B để sử dụng đi lại.

Tương tự với thủ đoạn như trên, khoảng 06 giờ ngày 13/9/2018 K đón xe từ thị trấn K xuống khu vực chợ Đăk Taley *(thuộc thôn Nhơn Tân, xã Đăk Taley, huyện M, tỉnh G)* tìm xe Mô tô để trộm cắp. Trước đó anh Đỗ Quốc K dựng Mô tô BKS: 81E1- 052.26 trước cổng chợ, K đến dùng Vam mở khóa, điều khiển xe chạy xuống chân đèo M gọi Nguyễn V bán xe thì V đồng ý và hẹn gặp nhau tại xã Hà Tam, huyện Đ, tỉnh G để giao xe. Tại đây, K bán xe Mô tô trên với số tiền 2.500.000 đồng. Lấy tiền, K đi lên TP P tiêu xài hết, còn V đem xe lên huyện I, tỉnh G bán cho một người thanh niên tên T *(không rõ tên tuổi, địa chỉ)* với giá 3.000.000 đồng tiêu xài. Đến ngày 14/9/2018 nhận thấy hành vi của mình đã bị phát hiện nên Đỗ Đức Duy K và Nguyễn V đã đến Công an huyện M, tỉnh G đầu thú, xe trộm cắp chưa thu hồi được.

Ngoài ra, trong quá trình điều tra Đỗ Đức Duy K còn khai nhận trước đó đã thực hiện 03 vụ trộm cắp xe Mô tô tại huyện M, tỉnh G, cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Khoảng 07 giờ ngày 07/9/2018 K đón xe từ thị xã A đến xã H'ra, huyện M, tỉnh G để trộm cắp xe Mô tô. Khi đến trước trường tiểu học H'ra thuộc thôn Phú Yên, xã Hra, huyện M, tỉnh G phát hiện xe Mô tô BKS: 81F1-055.60 của chị Phan Thị H dựng ở đó. K đến dùng Vam mở khóa, điều khiển xe về nhà Phạm Anh T ở *(Tổ 2, thị trấn K, huyện M, tỉnh G)* mượn T 3.000.000 đồng tiêu xài và để lại xe cho T giữ. Đến ngày 17/9/2018 Phạm Anh T tự nguyện giao nộp xe Mô tô trên cho Cơ quan CSĐT Công an huyện M.

Vụ thứ hai: Khoảng 11 giờ ngày 08/9/2018 K vào xã Đăk Trôi thăm bạn. Trên đường về đến xã Kon Thụp, huyện M, tỉnh G phát hiện xe Mô tô BKS: 81B1-697.27 của chị Y dựng trước nhà của ông B. K đến dùng Vam mở khóa, điều khiển xe về nhà Phạm Anh T mượn 2.000.000 đồng tiêu xài và để lại xe cho T giữ. Đến ngày 17/9/2018 Phạm Anh T tự nguyện giao nộp xe mô tô trên cho Cơ quan CSĐT Công an huyện M.

Vụ thứ ba: Khoảng 08 giờ ngày 11/9/2018 Khánh đến xã Đăk Jrăng tìm xe Mô tô trộm cắp. Đến trước chợ xã Đăk Jrăng thuộc thôn Tân Phú, xã Đăk Jrăng, huyện M phát hiện có xe Mô tô BKS: 81E1-095.99 của ông Cao Văn C. K đến dùng Vam mở khóa, điều khiển về nhà Phạm Anh T mượn 700.000 đồng tiêu xài và để lại xe cho T giữ. Đến ngày 17/9/2018 Phạm Anh T tự nguyện giao nộp xe mô tô trên cho Cơ quan CSĐT Công an huyện M.

- Tại Bản kết luận định giá tài sản số: 15/KL-HĐĐG ngày 19/9/2018 và số: 18/ KL-HĐĐG ngày 18/10/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện M kết luận:

+ Xe Mô tô BKS 81E1 - 052.26 có trị giá: 12.000.000 đồng.

+ Xe Mô tô BKS 81R7 - 5057 có trị giá: 9.000.000 đồng.

+ Xe Mô tô BKS 81E1 - 095.99 có trị giá: 12.000.000 đồng;

+ Xe Mô tô BKS 81F1 - 055.60 có trị giá: 8.000.000 đồng;

+ Xe Mô tô BKS 81B1 - 697.27 có trị giá: 10.000.000 đồng;

Đỗ Đức Duy K và Nguyễn V khai nhận trước đó thực hiện hành vi trộm cắp xe Mô tô tại huyện Đ, huyện K, huyện K, huyện I, thị xã A cụ thể như sau:

*** Tại huyện I:** Khoảng 15 giờ ngày 11/7/2018, Nguyễn Võ mượn xe Mô tô Dream của một người quen chở Đỗ Đức Duy K đi đến nhà người bạn tên là *"Cái Bang"* ở xã Pờ Tó, huyện I, tỉnh G. Sau đó, K rủ V đi dạo trên địa bàn huyện I tìm xe Mô tô trộm cắp. Khoảng 19 giờ 30 phút cùng ngày, Nguyễn V và Đỗ Đức Duy K đi đến khu vực thuộc thôn Mơ Năng 1, xã Kim Tân, huyện I, tỉnh G phát hiện xe Mô tô nhãn hiệu Yamaha (Exciter) màu đen đỏ BKS: 81B1-301.96 của anh Ksor D dựng trước cổng nhà ông KPă P, K đến dùng Vam mở khóa, điều khiển về hướng thị xã A. Khi đến khu vực Nhà máy mỳ thuộc xã Pờ Tó, huyện I thì V tháo BKS 81B1-301.96 vứt vào đám mỳ, lấy biển số xe mang theo lắp vào rồi điều khiển xe về thị xã A, tỉnh G. V sử dụng chiếc xe trộm cắp được làm phương tiện đi lại đến ngày 14/7/2018 đưa xe cho K đi bán, K đến gặp Cao Ngọc S *(SN: 1989, trú tại tổ 7, phường An Phú, thị xã A, tỉnh G)* bán xe, S nói Phạm Minh H *(SN:1991; trú tại tổ 13 KV2, phường Nhơn Bình, TP Q, tỉnh B)* đang ở tại nhà S đến gặp K ở gần ngã ba Đồng Găng, thị xã A xem xe. H xem xe nhưng do xe không có giấy tờ nên không đồng ý mua thì K mượn S 3.000.000 đồng và để xe Mô tô trộm cắp tại nhà S. Sau khi lấy tiền xong K đưa cho V 2.000.000 đồng, số tiền này K và V đã tiêu xài hết. Ngày 16/7/2018 H sử dụng xe mô tô này đi gây án tại phường A, thị xã An, tỉnh G thì bị Cơ quan CSĐT Công an thị xã A phát hiện tạm giữ xe.

- Tại Bản kết luận định giá tài sản số: 338/ KL-HĐĐG ngày 19/10/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện I kết luận: Xe Mô tô BKS 81B1- 301.96 có trị giá: 24.000.000 đồng.

*** Tại huyện Kông C:** Tối ngày 05/8/2018 Đỗ Đức Duy K đến nhà Cao Ngọc S chơi và sử dụng ma túy thì gặp Nguyễn Cao Thái D. Khoảng 22 giờ cùng ngày, K dùng xe Mô tô BKS: 81G1- 191.95 *(K trộm cắp vào ngày 18/07/2018 tại thôn Tú Thủy 3, xã Tú An, thị xã A, G)* chở D đi đến xã Chư Krey, huyện K, trên đường đi K rủ D trộm xe Mô tô thì D đồng ý, đi đến nhà ông Đinh T *(SN: 1979; trú tại làng TDinh, xã ChưKrêy, huyện KôngChro,tỉnh G)* phát hiện xe Mô tô BKS: 81K1- 028.70 của anh Đinh T dựng trước sân, K nói D chờ ngoài đường để K vào trộm cắp xe. K đi bộ vào dắt xe Mô tô BKS: 81K1- 028.70 ra ngoài dùng Vam mở khóa rồi đưa cho D chạy xe về cho S để trừ nợ 2.000.000 đồng K mượn S, còn K đi về nhà vợ ở làng Sơ Rơn, xã Chư Krey ngủ. Sau khi D đưa xe về đến nhà, S đã thay biển số, sơn lại màu xe để sử dụng làm phương tiện đi lại.

- Tại Bản kết luận định giá tài ngày 13/9/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện K kết luận: Xe Mô tô BKS 81K1- 028.70 có trị giá: 13.833.000 đồng.

*** Tại huyện K:** Khoảng 13 giờ 30 phút ngày 07/9/2018 Đỗ Đức Duy K mang theo Vam mở khóa đi đến khu vực thuộc làng Leng, xã Tơ Tung, K, G phát hiện thấy chị Đinh Thị L điều khiển xe Mô tô nhãn hiệu YAMAHA Sirius, BKS: 81G1- 047.35, theo dõi thấy chị L dựng xe bên lề đường, đi vào nhà rẫy cách vị trí dựng xe 100 mét. K đến dùng Vam mở khóa, điều khiển xe về huyện M. Khi dừng đổ xăng K thấy trong cốp xe có giấy đăng ký xe BKS: 81G1- 047.35 nên lấy cắt, K tìm gặp anh Nguyễn D Cường *(SN: 1989; trú tại thôn Phú Yên, xã Hra, huyện M)* là người lái Taxi mà K còn nợ tiền. K nhờ C dẫn đến tiệm cầm đồ để cầm xe lấy tiền trả cho C, C đồng ý. C dẫn K đến tiệm cầm đồ Thành Loan của Đoàn Nguyên T, *(sinh năm 1968; trú tại Thôn Suối Phèn, xã Đăk Yă, M)*. K nói với T chiếc xe mô tô K đi là xe của cha K, xe có giấy tờ đầy đủ, K muốn cầm xe khoảng 3-4 ngày có tiền sẽ lên chuộc lại. T kiểm tra giấy tờ xe hợp lệ nhưng K không có Giấy chứng minh nhân dân nên không đồng ý. K nhờ C đứng ra cầm xe cho K, C đồng ý. T viết giấy cầm xe với giá 5.000.000 đồng. Nhận tiền, K trả cho C 300.000 đồng, còn lại 4.700.000 đồng khánh tiêu xài hết.

- Tại Bản kết luận định giá tài sản số: 38/ KL-HĐĐG ngày 08/11/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện K kết luận: Xe mô tô BKS 81G1- 047.35 có trị giá: 10.125.000 đồng.

*** Tại huyện Đ:** Khoảng 06 giờ 14/9/2018 K đi xe Buýt từ huyện M về thị xã A, đến đoạn đường chợ Hà Tam thuộc địa phận Thôn 3, xã Hà Tam, huyện Đ, tỉnh G phát hiện có nhiều xe Mô tô dựng trước cổng chợ, K xuống xe Buýt và đi bộ về phía xe Mô tô BKS: 81F1- 004.27 của chị Trần Thị Ngọc L đang dựng trước cổng chợ dùng Vam mở khóa, điều khiển về nhà nghỉ Thúy Hà ở thị trấn K cất dấu. Do

biết Công an huyện M truy tìm K về hành vi trộm cắp xe tại Trung tâm y tế huyện M và xã Đăk Ta Ley, Đỗ Đức Duy K đã đến Công an huyện M đầu thú và giao nộp xe trộm cắp.

- Tại Bản kết luận định giá tài sản số: 37/ KL-HĐĐG ngày 20/9/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Đ kết luận: Xe mô tô BKS 81F1 - 004.27 trị giá: 25.000.000 đồng.

*** Tại thị xã A**

Vụ thứ nhất: Khoảng 10 giờ ngày 18/07/2018, Nguyễn V mượn xe Atila của ông Dương Công B *(trú tại tổ 5, phường An Bình, thị xã A)* đến rủ K đi vào huyện K, V nói K lấy biển số xe mà trước đó V gửi tại nhà K bỏ vào trong cốp xe máy Atila. V điều khiển xe chở K vào huyện K, khi đến thôn Tú Thủy 3, xã Tú An, thị xã A, K thấy xe Mô tô Wave RSX màu đen xám, BKS 81G1- 191.95 của anh Đặng Thanh H dựng trên bờ ruộng còn cắm chìa khóa điện, V quay lại dừng cách khoảng 20 mét, K đến bật chìa khóa điện, điều khiển xe vào thị trấn K, khi tới khu vực có đám mía bên đường, K chạy vào tháo biển số 81G1 – 191.95 ném vào trong đám mía và gắn biển số xe mang theo vào, bóc mạc tem của xe và điều khiển xe đi vòng theo đường xã Đăk Hlơ chạy về thị xã A vào nhà ông B *(Lúc này ông B không có ở nhà)*, V để chiếc xe máy Atila trên hè nhà cho ông B rồi chở Kh về nhà. Khoảng một tuần sau V đến nhà ông B chơi gặp Phạm Văn C *(tên thường gọi là Hai Ri; SN: 1969; trú tại tổ 6, phường S, thị xã A, G)*, C mượn xe Mô tô BKS 81G1- 191.95 của V trộm cắp để đi lại. Mấy hôm sau V điện thoại cho C lấy lại xe nhưng không liên lạc được. Hiện Cơ quan điều tra đã xác minh nhưng Phạm Văn C không có mặt tại địa phương, chiếc xe Ware RSX biển số 81G1- 191.95 của anh Đặng Thanh H bị V và K trộm cắp đến nay chưa thu giữ được.

Vụ thứ hai: Khoảng 20 giờ ngày 30/07/2018 sau khi sử dụng ma túy tại nhà nghỉ 777 thuộc tổ 5, phường An Tân, thị xã A. K điều khiển xe SIRIUS BKS: 16 M4 – 2335 của K đi dạo trên địa bàn thị xã A để trộm cắp xe Mô tô, khi tới khu nhà trọ gần Tịnh xá Ngọc T (*thuộc tổ 6, phường Tây Sơn, thị xã A)* phát hiện xe Ware RS màu xanh – đen, BKS: 81N1 – 5341 của anh Trần Ngọc Q dựng trước cửa dãy phòng trọ, K đi đến Sân vận động thị xã A để cất xe, đi bộ lại khu nhà trọ thấy trên xe còn cắm chìa khóa điện, K mở khóa điện, điều khiển xe đến chỗ vắng trên đường Hoàng Hoa Thám mở cốp xe thấy có giấy tờ xe, CMND của anh Q nên K lấy cất vào túi rồi chạy về lại nhà nghỉ 777 gặp Nguyễn Ngọc L là chủ nhà nghỉ 777, K nhờ L lái xe của L đi cùng lên nhà Trương Duy L *(SN: 1988; trú tại 777 đường Quang Trung, tổ 6, phường A, thị xã A)* cầm xe, K nói xe của bạn có giấy tờ đầy đủ, cần tiền nên cầm, L xem xe và giấy tờ, CMND đều mang tên Trần Ngọc Q nên đồng ý cầm với giá: 8.000.000 đồng. Cầm xong, L chở K đến lấy xe SIRIUS BKS: 16M4 – 2335 của mình để ở Sân vận động A và đi về nhà.

Vụ thứ ba: Khoảng 18 giờ ngày 23/08/2018, Đỗ Đức Duy K đón xe ôm vào khu vực chợ Bầu Dồn thuộc thôn 1, xã Thành An, thị xã A để trộm cắp, phát hiện xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, loại EXCITER màu sơn đen – đỏ, BKS: 81N2 - 1169 của chị Ngô Thị Ngọc Q *(SN: 1986; trú tại thôn 1, xã Thành An, thị xã A)* dựng trước cửa nhà, K đến dùng Vam mở khóa, điều khiển xe xuống huyện T, tỉnh B, trên đường đi, đến chỗ vắng người K dừng lại tháo biển số của xe vứt lại đó rồi vào một tiệm phế liệu ở huyện T mua một biển số cũ: 81E1 – 107.83 gắn vào xe trộm cắp dùng làm phương tiện đi lại, sau đó lên huyện M gặp Phạm Anh T mượn 3.000.000 đồng và để lại xe cho T giữ. Đến ngày 17/09/2018 Phạm Anh T giao nộp xe Mô tô trên cho Cơ quan CSĐT Công an huyện M.

- Tại Bản kết luận định giá tài sản số: 196/ KL-HĐĐG ngày 05/10/2018; Số: 198/KLĐG ngày 05/10/2018 và Số: 171/KLĐG ngày 24/8/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thị xã A kết luận:

+ Xe Mô tô BKS 81G1 - 191.95 có trị giá: 14.400.000 đồng.

+ Xe Mô tô BKS 81N1 – 5341 có trị giá: 7.990.000 đồng.

+ Xe Mô tô BKS 81N2 – 1169 có trị giá: 19.980.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản các bị cáo trộm cắp là: 166.328.000 đồng *(Một trăm sáu mươi sáu triệu ba trăm hai mươi tám nghìn đồng)*.

Tại Cáo trạng số: 07/CT-VKS, ngày 26 tháng 4 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện M, tỉnh G truy tố các bị cáo Đỗ Đức Duy K về tội "*Trộm cắp tài sản*" theo quy định tại điểm b, c khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự; Nguyễn V về tội "*Trộm cắp tài sản*" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 và tội *"Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có"* theo quy định tại khoản 1 Điều 323 của Bộ luật hình sự; Nguyễn Cao Thái D về tội "*Trộm cắp tài sản*" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự; Cao Ngọc S về tội *"Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có"* theo quy định tại khoản 1 Điều 323 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo:

Đỗ Đức Duy K phạm tội "*Trộm cắp tài sản*" và áp dụng điểm b, c khoản 2 Điều 173; Điều 38; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g, o khoản 1 Điều 52; Điều 58 của Bộ luật hình sự năm 2015. Xử phạt bị cáo Đỗ Đức Duy K mức án từ 4 (Bốn) năm 6 (Sáu) tháng đến 5 (Năm) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ (14/9/2018).

Nguyễn V phạm tội "*Trộm cắp tài sản*" và tội *"Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có"*, đề nghị áp dụng áp dụng khoản 1 Điều 173; khoản 1 Điều 323; Điều 38; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 53; khoản 1 Điều 55; Điều 58 của Bộ luật hình sự năm 2015. Xử phạt bị cáo Nguyễn V mức án từ 24 (Hai mươi bốn) tháng đến 30 (Ba mươi) tháng tù về tội "*Trộm cắp tài sản*" và từ 12 (Mười hai) tháng đến 18 (Mười tám) tháng tù về tội *"Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có"*. Tổng hợp hình phạt của nhiều

tội, buộc bị cáo Nguyễn V phải chấp hành hình phạt từ 3 (Ba) năm đến 4 (Bốn) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ (14/9/2018).

Nguyễn Cao Thái D phạm tội "*Trộm cắp tài sản*" và áp dụng khoản 1 Điều 173; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 58; Điều 91; khoản 1 Điều 101; Điều 104 của Bộ luật hình sự năm 2015. Xử phạt bị cáo Nguyễn Cao Thái D mức án từ 6 (Sáu) tháng đến 9 (Chín) tháng tù. Tổng hợp hình phạt của nhiều bản án, buộc bị cáo Nguyễn Cao Thái D phải chấp hành từ 18 (Mười tám) tháng đến 21 (Hai mươi mốt) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ (23/10/2018).

Cao Ngọc S phạm tội *"Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có"* và áp dụng khoản 1 Điều 323; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 56 của Bộ luật hình sự năm 2015. Xử phạt bị cáo Cao Ngọc S mức án từ 9 (Chín) tháng đến 12 (Mười hai) tháng tù. Tổng hợp hình phạt của nhiều bản án, buộc bị cáo Cao Ngọc S phải chấp hành từ 39 (Ba mươi chín) tháng đến 42 (Bốn mươi hai) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ (18/9/2018).

Đề nghị tuyên buộc các bị cáo phải bồi thường dân sự, đóng án phí và xử lý vật chứng của vụ án.

Ý kiến của các bị cáo: Các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung Cáo trạng là đúng, thỏa thuận bồi thường và xin giảm nhẹ hình phạt để cố gắng cải tạo tốt sớm quay về với gia đình và xã hội.

Ý kiến của Trợ giúp viên pháp lý bảo về quyền và lợi ích hợp pháp của bị cáo Nguyễn Cao Thái danh: Tội phạm và hình phạt mà Viện kiểm sát nhân dân huyện Mang Yang đã truy tố đối với Nguyễn Cao Thái D là đúng quy định của pháp luật. Tuy nhiên, bị cáo bị mất cha khi mới một tuổi, mẹ bỏ đi nơi khác phải sống với ông nội già yếu và nhờ sự nuôi nấng của bác ruột, bị Đỗ Đức Duy K là người đã thành niên xúi dục vào con đường phạm tội, nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ cho bị cáo.

Ý kiến của người bị hại: Về trách nhiệm dân sự không yêu cầu bị cáo bồi thường gì khác. Về trách nhiệm hình sự đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra: Điều tra viên Công an huyện M, Công an thị xã A, Công an huyện K, Công an huyện Đ, Công an huyện I, Công an huyện K tỉnh G, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện M, tỉnh G, trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các bị cáo và những người tham gia tố tụng. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và các đương sự trong vụ án không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

[2] Xét hành vi bị truy tố của các bị cáo: Tại phiên tòa, các bị cáo đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung Cáo trạng đã nêu. Lời khai của các bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và phù hợp với các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án. Vì vậy, có đủ cơ sở xác định:

Các bị cáo K, V đã thực hiện nhiều lần trộm cắp tài sản. Tổng giá trị tài sản chiếm đoạt là: 166.328.000 đồng. Trong đó, Đỗ Đức Duy K thực hiện 12 vụ với tổng trị giá tài sản chiếm đoạt là: 166.328.000 đồng. Bị cáo Nguyễn V thực hiện 02 vụ với tổng trị giá tài sản chiếm đoạt là: 38.400.000 đồng. Bị cáo Nguyễn Cao Thái D thực hiện 01 vụ trộm cắp tài sản có trị giá chiếm đoạt là: 13.833.000 đồng. Trong vụ án này, Nguyễn V mặc dù biết rõ đây là tài sản do bị cáo K trộm cắp được nhưng vẫn tiêu thụ 02 xe Mô tô có trị giá 21.000.000 đồng. Cao Ngọc S tiêu thụ 01 xe Mô tô có trị giá là 13.833.000 đồng. Do đó, Cáo trạng mà Viện kiểm sát nhân dân huyện M đã truy tố các bị cáo Đỗ Đức Duy K về tội "*Trộm cắp tài sản*" theo quy định tại điểm b, c khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự; Nguyễn V về tội "*Trộm cắp tài sản*" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 và tội*"Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có"* theo quy định tại khoản 1 Điều 323 của Bộ luật hình sự; Nguyễn Cao Thái D về tội "*Trộm cắp tài sản*" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự; Cao Ngọc S về tội *"Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có"* theo quy định tại khoản 1 Điều 323 của Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

Xét tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, mọi hành vi xâm phạm đến tài sản của người khác đều được xử lý nghiêm minh theo quy định của pháp luật.

Xét về tính chất vụ án thì thấy rằng: Đây là vụ án có nhiều bị cáo cùng tham gia thực hiện hành vi phạm tội, giữa các bị cáo không có sự cấu kết chặt chẽ, bàn bạc, phân công, phân nhiệm vụ cụ thể cho từng bị cáo nên có tính chất đồng phạm giản đơn.

[3] Các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Đối với bị cáo Đỗ Đức Duy K là người cầm đầu, có vai tró chính trong vụ án, là người khởi xướng, rủ rê các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội, xúi dục người chưa thành niên phạm tội và phạm tội từ hai lần trở lên, lấy tiền trộm cắp làm nguồn sinh sống chính, có tính chất chuyên nghiệp, tài sản trộm cắp có giá trị từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng, là người nghiện ma túy, có nhân thân xấu, ngày 27/10/2006 bị Công an thị xã An Khê xử phạt hành chính 100.000 đồng về hành vi *"Gây rối trật tự công cộng"*, ngày 02/02/2010 bị Tòa án nhân dân thị xã An Khê, tỉnh Gia Lai xử phạt 03 tháng 29 ngày tù giam về tội *"Trộm cắp tài sản"* quy định tại khoản 1 Điều 138 BLHS 1999 đã được xóa án tích, ngày 20/02/2012 bị Chủ

tịch UBND phường An Bình, thị xã An Khê, tỉnh Gia Lai ra Quyết định về việc cai nghiện tại gia đình và cộng đồng, ngày 10/5/2013 bị Chủ tịch UBND thị xã An Khê, tỉnh Gia Lai ra Quyết định Áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở chữa bệnh cai nghiện ma túy thời hạn 24 tháng tại Trung tâm cai nghiện ma túy tỉnh Gia Lai. Ngày 10/5/2015 cai nghiện xong về sinh sống tại địa phương. Nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học để tu dưỡng bản thân mà lại tiếp tục phạm tội, nên lần phạm tội này của bị cáo phải được xét xử bằng một mức án nghiêm minh nhằm giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung.

Đối với bị cáo Nguyễn V, Nguyễn Cao Thái D, Cao Ngọc S tuy không phải là người khởi xướng việc phạm tội nhưng khi được bị cáo Đỗ Đức Duy K rủ thì đồng ý ngay, thực hiện hành vi *"Trộm cắp tài sản"* và *"Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có"* rất tích cực. Bị cáo Nguyễn V thực hiện 02 vụ trộm cắp với tổng trị giá tài sản chiếm đoạt là: 38.400.000 đồng, tiêu thụ 02 xe Mô tô có trị giá 21.000.000 đồng, có 01 tiền án, ngày 24/01/2008 bị Tòa án nhân dân huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định xử phạt 09 tháng tù giam về tội *"Trộm cắp tài sản"* quy định tại khoản 1 Điều 138 BLHS 1999 chưa được xóa án tích và có nhân thân xấu, ngày 18/12/2007 bị TAND huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định xử phạt 12 tháng tù giam về tội *"trộm cắp tài sản"* quy định tại khoản 1 Điều 138 BLHS 1999, ngày 12/9/2012 bị TAND huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định xử phạt 18 tháng tù giam về tội *"trộm cắp tài sản"* quy định tại khoản 1 Điều 138 BLHS 1999, ngày 19/9/2014 bị TAND huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định xử phạt 24 tháng tù về tội *"trộm cắp tài sản"* quy định tại khoản 2 Điều 138 BLHS 1999 nên phải chịu mức hình phạt cao thứ hai trong vụ án và tổng hợp hình phạt của nhiều tội đối với bị cáo theo đúng quy định của pháp luật.

Đối với bị cáo Nguyễn Cao Thái D khi được Đỗ Đức Duy K xúi giục là thực hiện ngay 01 vụ *"trộm cắp tài sản"*, tài sản chiếm đoạt có trị giá: 13.833.000 đồng, và Cao Ngọc S do hám lợi nên *"Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có"* 01 xe Mô tô có trị giá: 13.833.000 đồng. Do đó, cũng phải chịu một mức hình phạt tương ứng với hành vi phạm tội và hậu quả đã gây ra, cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian dài mới đủ tác dụng cải tạo, giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung. Ngoài ra, còn phải tổng hợp hình phạt của nhiều bản án đối với bị cáo Nguyễn Cao Thái D và Cao Ngọc S theo đúng quy định của pháp luật.

[4] Các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Sau khi phạm tội các bị cáo đã thật thà khai nhận hành vi phạm tội, biết ăn năn hối cải, bị cáo K và V ra đầu thú, Bị cáo D có hoàn cảnh khó khăn, cha chết khi còn nhỏ, mẹ bỏ đi nơi khác, khi phạm tội mới được 16 năm 10 tháng 01 ngày tuổi, là người chưa thành niên phạm tội nên phải được xem xét xử nhẹ hơn người đã thành niên phạm tội, Bị cáo V đã tác động gia đình nộp 10.000.000 đồng để bồi thường thiệt hại, khắc phục một phần hậu quả đã gây ra. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cần được áp dụng giảm

nhẹ một phần hình phạt để các bị cáo thấy được lượng khoan hồng của pháp luật mà tích cục học tập, cải tạo sớm trở thành công dân có ích cho gia đình và xã hội.

[5] **Về trách nhiệm dân sự**:

- Xe Mô tô BKS: 81E1- 052.26; Số máy: 5C6K084147: số khung: 6K0DY0844128 của anh Đỗ Quốc K, Cơ quan CSĐT công an huyện M đã tiến hành xác minh, truy tìm nhưng không xác định được người thanh niên tên T, chưa thu giữ được xe. Tại phiên tòa anh Đỗ Quốc K và bị cáo Đỗ Đức Duy K, Nguyễn V thỏa thuận bị cáo K, V bồi thường số tiền 12.000.000 đồng, mỗi bị cáo phải bồi thường cho anh K 6.000.000 đồng. Hội đồng xét xử ghi nhận.

- Xe Mô tô BKS: 81G1-191.95; số máy: JA38E0225041; số khung: 3808GY105694 của anh Đặng Thanh H, Cơ quan CSĐT công an huyện M đã tiến hành xác minh, truy tìm nhưng chưa thu giữ được xe. Tại phiên tòa, anh H và bị cáo Đỗ Đức Duy K, Nguyễn V thỏa thuận bị cáo K, V bồi thường số tiền 20.000.000 đồng, mỗi bị cáo phải bồi thường cho anh H 10.000.000 đồng. Hội đồng xét xử ghi nhận.

- Đối với ông Đoàn Nguyên T cầm xe Mô tô 81G1-047.35 do K trộm cắp với giá 5.000.000 đồng. Quá trình điều tra ông T yêu cầu bị cáo Đỗ Đức Duy K bồi thường số tiền trên, tại phiên tòa bị cáo K chấp nhận bồi thường theo yêu cầu nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

- Đối với ông Trương Duy L cầm xe Mô tô 81N1-5341 do Khánh trộm cắp với giá 8.000.000 đồng. Quá trình điều tra ông L không yêu cầu bị cáo K bồi thường nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Đối với Phạm Anh T, cho K mượn bốn lần với tổng số tiền 8.700.000 đồng và giữ 04 xe Mô tô do K trộm cắp. Cơ quan điều tra đã xác minh nhưng T không có mặt tại địa phương nên chưa làm việc được với T. Do đó, tách phần dân sự này thành một vụ án dân sự khác khi T có yêu cầu.

- Xe Mô tô BKS: 81R7 - 5057, số máy 5C63403169, số khung 630AY403122 đã trả lại cho chủ sở hữu là ông P theo Quyết định xử lý vật chứng số 7B ngày 22/10/2018 của cơ quan CSĐT Công an huyện M. Ông P không yêu cầu bồi thường gì khác nên Hội đồng xét xử không xem xét nữa.

- Xe Mô tô BKS: 81E1 - 095.99, số máy 5C6K311012, số khung K0GY321014 đã trả lại cho cho chủ sở hữu là ông Cao Văn C theo Quyết định xử lý vật chứng số 7B ngày 22/10/2018 của cơ quan CSĐT Công an huyện M. Ông C không yêu cầu bồi thường gì khác nên Hội đồng xét xử không xem xét nữa.

- Xe Mô tô BKS: 81F1 - 055.60, số máy 5C63042488, số khung: RLCS5C6307Y042488 đã trả lại cho chủ sở hữu là chị Phan Thị H theo Quyết định

xử lý vật chứng số 7B ngày 22/10/2018 của cơ quan CSĐT Công an huyện M. Chị H không yêu cầu bồi thường gì khác nên Hội đồng xét xử không xem xét nữa.

- Xe Mô tô BKS: 81B1 - 697.27; số máy 5C6K179350; số khung: RLCS5C6K0EY179341 đã trả lại cho cho chủ sở hữu là chị Y theo Quyết định xử lý vật chứng số 7B ngày 22/10/2018 của cơ quan CSĐT Công an huyện M. Chị Y không yêu cầu bồi thường gì khác nên Hội đồng xét xử không xem xét nữa.

- Xe Mô tô BKS: 81G1 - 047.35, số máy 5C63703028, số khung: 30CY702966 đã trả lại cho chủ sở hữu là chị Đinh Thị L theo Quyết định xử lý vật chứng số: 25 ngày 21/11/2018 của cơ quan CSĐT Công an huyện K. Sau khi nhận lại xe chị L không yêu cầu bồi thường gì khác nên Hội đồng xét xử không xem xét nữa.

- Xe Mô tô BKS 81F1 - 004.27, số máy 052328, số khung: 052326 đã trả lại cho chủ sở hữu là chị Trần Thị Ngọc L theo Quyết định xử lý vật chứng số: 28 ngày 10/10/2018 của cơ quan CSĐT Công an huyện Đ. Sau khi nhận lại xe chị L không yêu cầu bồi thường gì khác nên Hội đồng xét xử không xem xét nữa.

- Xe Mô tô BKS: 81B1 - 301.96, số máy 55P1144459, số khung: 10CY144463 đã trả lại cho chủ sở hữu là anh Ksor D theo Quyết định xử lý vật chứng số: 01 ngày 22/11/2018 của cơ quan CSĐT Công an huyện I. Sau khi nhận lại xe anh Ksor D không yêu cầu bồi thường gì khác nên Hội đồng xét xử không xem xét nữa.

- Xe Mô tô BKS: 81K1-028.70; số khung: RLCS1FC10DY059822; số máy 1FC1059833 đã trả lại cho anh Đinh T theo Quyết định xử lý vật chứng số: 14 ngày 22/10/2018 của cơ quan CSĐT Công an huyện K. Bị cáo Cao Ngọc S cũng đã bồi thường cho anh Đinh T số tiền 500.000 đồng để làm lại biển số và sơn lại màu xe, hiện anh Đinh T không yêu cầu bồi thường gì khác nên Hội đồng xét xử không xem xét nữa.

- Xe Mô tô BKS: 81N2 – 1169; số máy: 5P71051460; số khung: 10BY051455 đã trả lại cho chủ sở hữu là chị Ngô Thị Ngọc Q theo Quyết định xử lý vật chứng số: 40 ngày 31/10/2018 của cơ quan CSĐT Công an thị xã A. Sau khi nhận lại xe chị Q không yêu cầu bồi thường gì khác nên Hội đồng xét xử không xem xét nữa.

- Xe Mô tô BKS: 81N1 – 5341; số máy: 12E2122442, số khung: 368Y386752 đã trả lại cho chủ sở hữu là anh Trần Ngọc Q theo Quyết định xử lý vật chứng số 40 ngày 31/10/2018 của cơ quan CSĐT Công an thị xã A. Sau khi nhận lại xe anh Q không yêu cầu bồi thường gì khác nên Hội đồng xét xử không xem xét nữa.

- Các Biển số xe: 81B1-301.96; 81K1-028.70; 81G1-191.92; 81N2-1169 Cơ quan điều tra đã tiến hành truy tìm nhưng không thấy. Những người bị hại cũng không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường nên Hội đồng xét xử không xem xét nữa.

[6] Xử lý vật chứng trong vụ án:

+ 01 điện thoại nhãn hiệu Vietel màu đen *(thu giữ của Đỗ Đức Duy K);* 01 điện thoại nhãn hiệu Nokia màu vàng *(thu giữ của Nguyễn V)* các bị cáo sử dụng để liên lạc trong quá trình trộm cắp là phương tiện phạm tội còn giá trị sử dụng nên tịch thu nộp ngân sách Nhà nước.

+ 01 Cờ lê 10; 01 Típ mở ốc hình chữ L; 01 đoạn kim loại *(một đầu lục giác, một đầu được mài dẹp)* của Đỗ Đức Duy K sử dụng làm công cụ phạm tội không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

+ Số tiền 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) của Nguyễn Chỉnh là em trai của Nguyễn Võ nộp để bồi thường dân sự, khắc phục hậu quả cho Nguyễn Võ cần tuyên bảo thủ để thi hành án

+ Xe mô tô BKS 16M4-2335 bị cáo Đỗ Đức Duy K sử dụng để đi trộm cắp tài sản tại phường T, thị xã A vào ngày 30/7/2018 là phương tiện phạm tội còn giá trị sử dụng nên tịch thu nộp ngân sách Nhà nước.

Đối với Đoàn Nguyên Thành, Trương Duy L là người cầm cố xe Mô tô do Đỗ Đức Duy K trộm cắp; Nguyễn Ngọc L, Nguyễn Duy C là người dẫn K đi đến tiệm cầm đồ để cầm cố xe Mô tô, Nguyễn Minh H đến coi xe nhưng xe không có giấy tờ nên không mua. Những người nói trên không biết đây là tài sản do K trộm cắp mà có nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện M không xử lý về hình sự là có căn cứ.

Đối với Phạm Anh T cho K mượn tiền và giữ xe Mô tô do K trộm cắp để làm tin (04 lần), hiện T đã đi khỏi địa phương không xác định được nơi ở. Do đó, Cơ quan CSĐT Công an huyện M tách ra để xử lý riêng khi có căn cứ.

Đối với đối tượng tên T mua xe Mô tô do bị Nguyễn V mua lại của Đỗ Đức Duy K trộm cắp, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện M đã tiến hành điều tra xác minh nhưng chưa xác định được lai lịch nên tiếp tục điều tra, xử lý sau.

Đối với ông Dương Công B cho Nguyễn V mượn xe Atila nhưng không biết V mượn xe làm phương tiện đi trộm cắp nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện M không xử lý là có căn cứ.

Đối với Pham Văn C mượn xe Mô tô của K và V trộm cắp, hiện C đã đi khỏi địa phương không xác định được nơi ở. Do đó, Cơ quan CSĐT Công an huyện M tiếp tục điều tra, xử lý sau.

Đối với hành vi sử dụng ma túy của Cao Ngọc S, Nguyễn Cao Thái D, Đỗ Đức Duy K vào ngày 05/8/2018 tại nhà của Cao Ngọc S, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã An Khê tách riêng để tiếp tục điều tra, xử lý sau.

[7] Về án phí: Bị cáo Đỗ Đức Duy K, Nguyễn Cao Thái D, Nguyễn V, Cao Ngọc S phải chịu án phí hình sự và dân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tội danh:

Tuyên bố bị cáo Đỗ Đức Duy K, Nguyễn Cao Thái D phạm tội "*Trộm cắp tài sản*", Nguyễn V phạm tội "*Trộm cắp tài sản*" và *"Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có":* Cao Ngọc S phạm tội *"Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có"*.

2. Về hình phạt:

Áp dụng điểm b, c khoản 2 Điều 173; Điều 38; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g, o khoản 1 Điều 52; Điều 58 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Đỗ Đức Duy K 5 (Năm) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ (14/9/2018).

Áp dụng khoản 1 Điều 173; khoản 1 Điều 323; Điều 38; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 53; khoản 1 Điều 55; Điều 58 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Nguyễn V 30 (Ba mươi) tháng tù về tội "*Trộm cắp tài sản*" và 18 (Mười tám) tháng tù về tội*"Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có"*. Tổng hợp hình phạt của nhiều tội, buộc Nguyễn V phải chấp hành (Bốn) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ (14/9/2018).

Áp dụng khoản 1 Điều 173; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 58; Điều 91; khoản 1 Điều 101; Điều 104 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Cao Thái D 6 (Sáu) tháng tù

Tổng hợp hình phạt với bản án số: 17/2019/HS_ST ngày 17/5/2019 của Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh G xử phạt Nguyễn Cao Thái D 12 (Mười hai) tháng tù, buộc Nguyễn Cao Thái D phải chấp hành hình phạt chung là 18 (Mười tám) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ (23/10/2018).

Áp dụng khoản 1 Điều 323; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 56 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Cao Ngọc S 9 (Chín) tháng tù.

Tổng hợp hình phạt với bản án số: 17/2019/HS_ST ngày 17/5/2019 của Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh G xử phạt Cao Ngọc S 30 (Ba mươi) tháng tù, buộc Cao Ngọc S phải chấp hành hình phạt chung là 39 (Ba mươi chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ (18/9/2018).

3. Về Trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự; khoản 1 Điều 584; Điều 585; Điều 586; Điều 587; Điều 589 của Bộ luật dân sự.

- Buộc bị cáo Đỗ Đức Duy K phải bồi thường cho ông Đoàn Nguyên T số tiền

5.000.000 đồng.

- Buộc bị cáo Đỗ Đức Duy K và Nguyễn V phải bồi thường cho người bị hại Đỗ Quốc K số tiền 12.000.000 đồng, mỗi bị cáo phải bồi thường 6.000.000 đồng.

- Buộc bị cáo bị cáo Đỗ Đức Duy K và Nguyễn V phải bồi thường cho người bị hại Đặng Thanh H số tiền 20.000.000 đồng, mỗi bị cáo phải bồi thường 10.000.000 đồng.

Tổng số tiền bị cáo Đỗ Đức Duy K phải bồi thường là: 21.000.000 đồng *(Hai mươi mốt triệu đồng).*

Tổng số tiền bị cáo Nguyễn V phải bồi thường là: 16.000.000 đồng *(Mười sáu triệu đồng)*, được trừ vào số tiền 10.000.000 đồng nộp để bồi thường, số tiền còn phải bồi thường là: 6.000.000 *(Sáu triệu đồng).*

Kể từ ngày Bản án, Quyết định có hiệu lực pháp luật *(Đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra Quyết định thi hành án)* hoặc kể từ ngày có Đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án *(Đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án)* cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

" *Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án. Quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án được căn cứ theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự* ".

Tiếp tục bảo thủ số tiền 10.000.000 đồng do em bị cáo Nguyễn V là Nguyễn C nộp tại Cơ quan điều tra Công an huyện M, theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 12/6/2019 giữa Công an huyện M và Chi cục thi hành án huyện M để đảm bảo thi hành án khoản tiền bị cáo Nguyễn V phải bồi thường cho những người bị hại trong vụ án.

Áp dụng Điều 30 của Bộ luật tố tụng dân sự: Tách phần bồi thường dân sự đối với số tiền 8.700.000 đồng Phạm Anh T cho Đỗ Đức Duy K mượn để xử bằng một vụ án dân sự khác khi Phạm Anh T có yêu cầu.

4. Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự; Điểm a, c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước:

01 điện thoại nhãn hiệu Vietel màu đen; 01 điện thoại nhãn hiệu Nokia màu vàng; 01 xe Mô tô BKS 16M4-2335 theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 12/6/2019 giữa Công an huyện M và Chi cục thi hành án huyện M.

Tịch thu tiêu hủy:

01 Cờ lê 10; 01 Típ mở ốc hình chữ L; 01 đoạn kim loại *(một đầu lục giác, một đầu được mài dẹp)* theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 12/6/2019 giữa Công an huyện M và Chi cục thi hành án huyện M.

5. Án phí: Căn cứ Điều 135; Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a, f khoản **1** Điều **23** Nghị quyết số:326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Buộc bị cáo Đỗ Đức Duy K phải nộp 200.000 đồng *(Hai trăm nghìn đồng)* án phí hình sự sơ thẩm và 1.050.000 đồng *(Một triệu không trăm năm mươi nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm. Buộc bị cáo Nguyễn V phải nộp 200.000 đồng *(Hai trăm nghìn đồng)* án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm. Buộc bị cáo Nguyễn Cao thái D và Cao Ngọc S mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng *(Hai trăm nghìn đồng)* án phí hình sự sơ thẩm để sung vào ngân sách Nhà nước.

6. Thời hạn kháng cáo: Trong thời hạn **15** (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án (**03/10/2019**) các bị cáo, người bị hại có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh G xét xử lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm. Đối với Người bị hại và những Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND huyện Mang Yang;
- Công an huyện Mang Yang;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.
- Chi cục thi hành án huyện Mang yang (Khi án có hiệu lực)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Trần Đại Dương